

Số: 684/2020/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 12 tháng 11 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 614/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số A, Khu phố B, phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Số E, Khu phố R, phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Số E, Khu phố R, phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 61/KH, quyển số 01/2003 ngày 15/5/2003 tại Ủy ban nhân dân xã An Linh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương) theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vợ chồng sống hạnh phúc được 10 (Mười) năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính chất công việc nên ông Đ thường xuyên đi nhậu, không dành thời gian quan tâm đến gia đình và con cái, thiếu trách nhiệm với gia đình và từ năm 2019 cho đến nay cả hai không còn quan tâm, chăm sóc

đến nhau, nay cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên tự nguyện thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa ông Đ và bà T không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 247/KS, quyền số 02/2004 đăng ký ngày 07/12/2004 tại Ủy ban nhân dân xã An Linh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương và Giấy khai sinh số 133, quyền số I đăng ký ngày 14/05/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và xác nhận của ông Đ và bà T thì ông bà có 02 (Hai) con chung, họ và tên là Nguyễn Thành L, sinh ngày 02/9/2004 và Nguyễn Trường H, sinh ngày 04/5/2011.

Cả hai thỏa thuận, sau khi ly hôn giao cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung; Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận. Các đương sự thỏa thuận việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận tài sản chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nợ chung, nên Tòa án ghi nhận.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 61/KH, quyền số 01/2003 ngày 15/5/2003 tại Ủy ban nhân dân xã An Linh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương).

1.2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T có 02 (Hai) con chung, họ và tên là Nguyễn Thành L, sinh ngày 02/9/2004 và Nguyễn Trường H, sinh ngày 04/5/2011.

Sau khi ly hôn, giao cho ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng 02 (Hai) con chung; Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Bà Nguyễn Thị T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung và không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức

cấp dưỡng nuôi con. Nếu có yêu cầu các đương sự sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

1.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T xác nhận tài sản chung tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T xác nhận nợ chung không có.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm đối với việc hôn nhân gia đình là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0041663 ngày 20 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án (Hòa);

THẨM PHÁN

Mai Trần Cảnh